

LUẬN A TỖ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 27

Phẩm 6: NÓI VỀ TÙY MIÊN (PHẦN 3)

Như trên đã nói về mười thứ tùy miên. Theo thứ lớp lúc sinh, tùy miên nào trước, tùy miên nào sau?

Các tùy miên khởi không có thứ lớp nhất định, có thể sau tất cả, vì tất cả sinh, nhưng có một loại phiền não hiện hành, trước, sau dẫn dắt nhau, chẳng phải không có thứ lớp.

Căn cứ ở một loại này, nhằm nói thứ lớp Tụng rằng:

*Vô minh, nghi, tà kiến
Bên kiến, giới kiến thủ
Tham, mạn, giận, thứ lớp
Do trước dẫn sau sinh.*

Luận chép: Nghĩa là phiền não kia, lúc thứ lớp sinh, trước do vô minh không hiểu rõ để, không muốn quán khổ, cho đến đạo đế, vì không thấu tỏ, nên không có công năng quán sát, đã nghe hai đường bên hoại nghi do dự, là khổ, không phải khổ, cho đến nói rộng. Nếu gặp tà luận liền sanh tà kiến, bác xả không có khổ, cho đến nói rộng.

Đối với thủ uẩn, đã bác xả không có khổ, do đó, bên khởi Tát-ca-da kiến. Từ đây lại chấp ngã có dứt, thường, tùy theo chấp một bên, chấp là công năng tịnh, đối với chấp như thế, chấp là kiến thứ nhất rồi, kiến đức, duyên đức khởi tham, cho là đức này hơn người khác, ý cậy mà sinh mạn, đối với người khác khởi trái với kiến, sinh giận, như chấp chúng ta ghét kiến chấp không có ngã, hoặc đối với vị xả kiến thủ của mình, sẽ khởi đối tượng giận xả, ghét, ngờ vực.

Đây là căn cứ ở một loại, để nói về mười tùy miên, dẫn dắt nhau hiện hành thứ lớp trước, sau. Về lý, hiện hành phiền não thật, theo thứ lớp vô bên, do các đối tượng duyên đối đãi có sai khác. Các phiền não khởi, do bao nhiêu nhân duyên? Khởi nhân duyên này, chính là có nhiều

thứ tùy theo thô, căn cứ sự vượt hơn, chủ yếu chỉ có ba. Tụng rằng:

*Do chưa dứt tùy miên
Tùy theo cảnh ứng hiện
Tác ý phi lý khởi
Nói hoặc đủ nhân duyên.*

Luận chép: Do ba nhân duyên các phiền não khởi. Vả lại, như sắp khởi tùy miên tham dục, vì tùy miên tham dục chưa dứt, chưa biết khắp, vì thuận với cảnh tham dục hiện ở trước, vì duyên với cảnh kia tác ý phi lý khởi, tùy miên khác khởi, giống như đây, nên biết. Chưa dứt, chưa biết khắp tùy miên tham dục: Vì ba duyên nên nói chưa dứt biết khắp. Nghĩa là vì được chưa dứt, vì đối trị chưa sinh, vì chưa biết khắp cảnh. Lại, dứt có hai:

Dứt có phần.

Dứt không có phần, cho nên nói chưa dứt.

Nói chưa biết khắp, đó là nói tùy miên do sức nhân khởi. Thuận với cảnh tham dục hiện ở trước. Nghĩa là có cảnh thật, thuận với triền tham dục. Triền này nếu hiện tiền thì sự tham dục bền khởi. Đây là nói tùy miên do sức cảnh giới khởi. Tác ý phi lý duyên theo cảnh kia khởi. Nghĩa là có cảnh giới gỡ hiện tiền và có tác ý phi lý như chiếc khoan lấy lửa khởi, gỡ là cảnh giới khoan, lửa tham dục sinh ra.

Trong đây, cái gì gọi tác ý phi lý?

Nghĩa là đối với y phục tốt đẹp trên hết dụng cụ trang nghiêm, hương thoa, trang sức tơ lụa màu, tư cách duyên dáng, đã biểu lộ rõ tướng người nữ. Đống phân, khởi tướng nơi cư trú của hữu tình, tâm đều có tỉnh giác điên đảo, gọi tác ý phi lý. Đây là nói tùy miên do sức gia hạnh khởi, hoặc tùy miên khởi đủ ba nhân duyên.

Thế nào là thừa nhận có A-la-hán lui sụt?

Chẳng phải A-la-hán chưa dứt trừ tùy miên. Vả lại, không phải chắc chắn thừa nhận phiền não hiện tiền, mới được gọi là A-la-hán lui sụt. Nhưng ở đây, còn căn cứ từ phiền não trước, Vô gián dẫn sinh, nên nói không có lỗi. Vì phiền não sinh, gồm có hai thứ:

1. Từ Vô gián phiền não dẫn sinh.
2. Kế là pháp khác, không phải phiền não khởi.

Nếu khác với đây, nghĩa là tâm thiện, vô ký Vô gián, nên không có phiền não khởi.

Trong đây, không căn cứ thứ lớp pháp khác sinh, vì thế không nên sự lui sụt để làm vấn nạn. Hoặc ở đây còn căn cứ đủ nhân duyên để nói là có thật, chỉ nhờ sức của cảnh giới sinh, không Có sức của nhân.

Sức gia hạnh: tức tùy miên và giúp đỡ đã nói ở trên. Đức Phật nói là ách, thủ, bộc lưu hữu lậu. Lậu, là ba lậu:

1. Dục lậu.
2. Hữu lậu.
3. Vô minh lậu.

Bộc lưu có bốn:

1. Bộc lưu dục.
2. Bộc lưu hữu.
3. Bộc lưu kiến.
4. Bộc lưu vô minh.

Ách, là bốn ách, như nói về bộc lưu.

Thủ, là bốn thủ:

1. Thủ dục.
2. Thủ kiến.
3. Thủ giới cấm.
4. Thủ ngã ngữ.

Lậu, như thế, v.v... thể của chúng ra sao? Tụng rằng:

*Phiền não dục và triền
Trừ si, gọi dục lậu
Hữu lậu, hai cõi trên
Chỉ phiền não, trừ si.
Đồng vô ký, đối trị
Địa định, nên hợp một
Vô minh, gốc các hữu
Nên làm một lậu riêng.
Ách bộc lưu cũng vậy
Đặt riêng kiến nhay bén
Kiến không thuận với trụ
Không đặt riêng hữu lậu.
Dục hữu, ách và si
Kiến phần hai, gọi thủ
Vô minh không đặt riêng
Không phải chủ thể thủ.*

Luận chép: Phiền não và triền cõi Dục, trừ si, bốn mươi một vật, gọi chung là dục lậu. Nghĩa là phiền não căn bản thuộc về cõi Dục: ba mươi một và mười triền.

Phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc, trừ si, năm mươi hai vật, đều gọi là hữu lậu. Nghĩa là phiền não căn bản của hai cõi trên, đều hai mươi sáu.

Cõi Sắc, cõi Vô sắc dù cũng có hôn trầm, trạo cử, nhưng triền không nên dựa vào cõi để phân biệt một chút triền cõi trên, vì không tự tại, do đó hữu lậu này chỉ nói phiền não. Nếu triền cũng dựa vào cõi để phân biệt, thì thể hữu lậu sẽ có năm mươi sáu, nên tức luận phẩm loại nói như thế này: “Thế nào là hữu lậu? Nghĩa là trừ vô minh”.

Hai cõi Sắc, cõi Vô sắc bị tùy phiền não kiết, triền, tùy miên ràng buộc. Vì sao hợp nói phiền não của hai cõi là một hữu lậu, đồng với tánh vô ký, đồng một đối trị, đồng địa định?

Vì cũng duyên sắc, thanh, xúc làm cảnh, vì thế không nên chỉ nói là chuyển biến ở môn trong. Về nghĩa, căn cứ ở mười lăm vô minh của ba cõi làm thể vô minh lậu, nên bài tụng không nói riêng.

Vì sao chỉ lập lậu này?

Gọi là vì chỉ rõ lỗi tai hại vượt hơn của vô minh, nên nói là riêng có thể tạo ra căn bản sinh tử, như Khế kinh nói: “Vô minh làm nhân sinh ra tham nhiễm, cho đến nói rộng”. Lại, như bài tụng rằng:

*Tất cả các đường ác
 Đây và thế gian khác
 Điều vô minh làm gốc
 Dục tham đã cùng khởi.*

Nay đối với đây, chỉ căn cứ ở sự vượt hơn, nhằm nói rõ một trăm lẻ tám các hoặc là lậu. Nghĩa là không phải hận, v.v..., tư duy, v.v..., nhiễm ô, không phải thuộc về lậu, chỉ các hoặc này cầm chân hữu tình ở lâu trong sinh, tử, hoặc khiến trôi lăn trong sinh tử, từ trời Hữu Đảnh, đến ngục Vô gián, với tác dụng mạnh mẽ để hiểu rõ. Cho nên nói riêng bộc lưu và thể ách, đồng với lậu. Nhưng đối với đó, kiến cũng được đặt riêng, gọi là dục lậu trước kia, tức bộc lưu dục và ách dục.

Hữu lậu như thế, tức bộc lưu hữu và ách hữu. Phân tích ra các kiến làm bộc lưu kiến, và ách kiến, rất mạnh mẽ, nhạy bén. Nghĩa là nghĩa chấp trội nổi hợp, lập ách, thủ, bộc lưu, như phiền não khác, chỉ trừ vô minh, giúp chung công năng chấp trôi nổi hợp, các kiến cũng vậy. Vì mạnh mẽ, nhạy bén, nên lia giúp đỡ khác, vì công năng chấp trôi nổi hợp, nên cũng đặt riêng ách, thủ, bộc lưu. Lại, các phiền não đều khiến chúng sinh nổi, chìm trong pháp nhiễm, là các phẩm thiện, không có hiểu, hiểu bất chánh, sóng cả cuộn cuộn, vọt lên, trôi nổi kích động chúng sinh, vì lại xa lìa việc thiện, nên kiến vô minh lập khác ở đây.

Nếu vậy, sao không đặt riêng kiến lậu? Khiến trụ gọi là lậu, như sau sẽ nói, kiến không thuận với nghĩa lậu kia vì có riêng, nghĩa là khiến phàm phu và các bậc Thánh cùng trụ ở sinh tử, nên gọi là lậu.

Các kiến không, khiến cho Thánh có công năng, trụ, vì nghĩa lậu không hoàn toàn, nên không đặt riêng. Về nghĩa chấp trôi nổi hợp, vì Thánh khác, chúng sinh khác, nên ba môn sau đều đặt riêng kiến, nghĩa là các hoặc này có thể làm cho phàm phu trôi nổi, chấp nhận hữu khiến cho lia tất cả phẩm thiện, các Thánh, giả thì không thể như vậy. Trôi nổi rồi, có thể khiến cho các loại phàm phu khắp hợp sinh với đường, cõi phi ái, khiến cho bậc Thánh hợp thì không thể như thế. Hợp rồi, có thể khiến cho các loại phàm phu đều dựa vào chấp, khiến cho Thánh thì không như vậy.

Do ba môn này, phàm phu khác với Thánh trong đó, kiến giải vượt hơn, cho nên đặt riêng.

Có sư khác nói: Vì kiến giải lanh lợi, nên đối với nghĩa khiến trụ, không thể nói riêng, nên đối với môn lậu với hợp khác được lập. Nếu với hợp khác, ấy là có công năng trụ, như đối với kẻ điều phục voi đầu đàn, ràng buộc sinh voi con.

Như thế, đã biểu thị rõ hai mươi chín vật, gọi là bực lưu dục, nghĩa là tham, giận, mạn đều có năm thứ, nghi bốn, triền mười, hai mươi tám vật gọi là bực lưu hữu. Nghĩa là tham và mạn đều mười, nghi tám. Nếu có hôn trầm, trạo cử, thành ba mươi hai. Cõi Sắc, cõi Vô sắc đều có hai. Ba mươi sáu vật, gọi bực lưu kiến. Nghĩa là trong ba cõi, đều có mười hai kiến, mười lăm vật, gọi là bực lưu vô minh. nghĩa là vô minh ba cõi đều có năm, nên biết, bốn ách đồng với bực lưu. Bốn thủ nên biết thể đồng với bốn ách, nhưng ngã, ngữ cõi Dục, đều là vô minh, phần kiến là hai khác với ách trước, tức ách dục trước và vô minh dục.

Ba mươi bốn vật, gọi chung là dục thủ. Nghĩa là tham, giận, mạn, vô minh đều có năm, nghi có bốn và mười triền, tức Ách hữu trước và vô minh của hai cõi.

Ba mươi tám vật, gọi chung là ngã ngữ thủ, tức là tham, mạn, vô minh, đều có mười, nghi có tám. Nếu có hôn trầm, trạo cử, thì sẽ thành bốn mươi hai. Đối với kiến, ách, trừ giới cấm thủ.

Ba mươi vật còn lại, gọi chung là kiến thủ, trừ sáu vật khác, gọi giới cấm thủ.

Do đó, riêng là oán Thánh đạo, lừa dối cả hai chúng tại gia, xuất gia.

Vì sao vô minh không đặt riêng thủ?

Vì dựa vào nghĩa năng thủ để kiến đặt tên Thủ, nhưng vì các vô minh chẳng phải năng thủ, nghĩa là tướng không rõ, mới gọi vô minh. vô minh kia không phải năng thủ, vì không mạnh mẽ, nhạy bén, nên chỉ

có thể hợp với pháp khác, lập làm thủ.

Đã nói về mười thứ tùy miên và triền, kinh nói là ách, thủ, bộc lưu, lậu.

Danh tùy miên này, v.v... có nghĩa gì? Tụng rằng:

*Hai tùy tăng nhỏ nhiệm
Tùy theo với tùy buộc
Trụ chấp trôi nổi hợp
Là nghĩa của tùy miên.*

Luận chép: Phiền não căn bản lúc hiện ở trước, vì hành tướng khó biết, nên gọi nhỏ nhiệm. Cho nên bậc Thánh A-nan-đà nói: “Nay ta không biết, đối với người đồng phạm hạnh, có khởi tâm mạn hay không? Chẳng nói là hoàn toàn không có, vì hành tướng của tùy miên nhỏ nhiệm. bậc Thánh kia hãy còn không hiểu rõ tâm mạn có, không, hướng chi các phàm phu. Các pháp khác so sánh đây nên như vậy”.

Có chỗ giải thích: Vì ở một cực vi sát-na cũng có tùy tăng, nên gọi là nhỏ nhiệm. Hai là tùy tăng. Nghĩa là ở đối tượng duyên và đối tượng duyên tương ứng, đều tùy tăng.

Làm sao phiền não có tùy tăng tương ứng với đối tượng duyên?

Như trước đã nói, hoặc như oán hại, rình mò, tìm tòi, kẻ hở, dấu vết và, như thấy chất độc, nên biết phiền não đối với đối tượng duyên của mình, có nghĩa tùy tăng như thổi sắt nóng khiến cho nước nóng và như chạm phải chất độc, nên biết phiền não có nghĩa tùy tăng đối với tương ứng của mình, cả hai đều đồng với mẹ nuôi, khiến cho tùy tăng con trẻ. Sữa mẹ có công năng giúp cho đứa trẻ tăng trưởng và khiến cho tài nghệ chúng được chữa nhóm dần. Tương ứng của đối tượng duyên, khiến cho các phiền não tăng trưởng nói tiếp nhau và được chữa nhóm.

Nói đuổi theo. Nghĩa là từ vô thủy đến nay, trong sự nối tiếp nhau, khởi đắc đuổi theo.

Nói ràng buộc theo. Nghĩa là vì rất khó lìa, như bốn ngày bệnh sốt rét và chuột độc cắn, v.v...

Có thuyết nói: Ràng buộc theo. Nghĩa là được theo luôn, như đi trên hư không, bóng theo dưới mặt nước.

Do đó nên nói: Vì các nhân duyên, nên mười thứ phiền não đặt tên tùy miên, căn cứ ở môn huấn từ, để giải thích danh này. Nghĩa là theo dòng: là miên trong nối tiếp nhau, nên gọi là tùy miên, tức xuôi dòng. Nghĩa là an trụ trong thân, nghĩa là tăng mờ tối, trì trệ. Hoặc tùy theo vượt hơn vì miên trong nối tiếp nhau, nên gọi là tùy miên, tức là hướng

vào vị giải như thật, làm nghĩa mê, tối. Hoặc trong ngục hữu, theo đuổi trong thời gian dài, vì che lấp loài hữu tình, nên gọi là tùy miên.

Vì sao tùy miên chỉ có mười như tham, v.v..., không phải phần khác, v.v... chỉ mười thứ tập khí này vững chắc, vì không phải phần, v.v... giữ hữu tình ở lâu trong sinh tử. Hoặc làm cho trôi lăn đối với sinh tử, từ trời Hữu Đảnh đến ngục Vô gián.

Do sự nối tiếp nhau của tùy miên kia, vì lỗi tiết ra ở sáu sang môn vô cùng nên gọi là lậu, vì phẩm thiện rất trôi nổi nên gọi bộc lưu, ở đường, cõi, sinh hòa hợp gọi là ách, chấp lấy phiền não ở tự thể kia gọi là thủ.

Đã nói về mười thứ tùy miên và triền. Đức Thế tôn nói: Vì lậu, lưu, ách, thủ, vì chỉ ngần ấy hay là có hơn? Tụng rằng:

Do kiết thủy sai khác

Lại nói có năm thứ.

Luận chép: Là tùy miên kiết phược các phiền não, vì nghĩa tùy miên phiền não trôi buộc có khác nhau nên lại nói có năm loại. Vật kiết là gì? Tụng rằng:

Kiết chín vật như thủ

Lập hai kiết: kiến, thủ

Do hai chỉ bất thiện

Và vì tự tại khởi

Chỉ ganh, keo trong triền

Tạo lập làm hai kiết

Hoặc hai thường hiện hành

Vì làm nhân nghèo hèn

Rõ khắp tùy theo hoặc

Nên hai bộ não loạn.

Luận chép: Kiết có chín thứ:

1. Kiết ái.
2. Kiết giận.
3. Kiết mạn.
4. Kiết vô minh.
5. Kiết kiến.
6. Kiết thủ.
7. Kiết nghi.
8. Kiết ganh tỵ
9. Kiết keo kiệt.

Do chín thứ này có công năng ràng buộc đối với cảnh, đối với sinh

hữu, nên gọi là kiết. Như khế kinh nói: Bí-sô nên biết, không phải mắt trời buộc sắc, không phải sắc trời buộc mắt, trời buộc, nghĩa là trong sắc này đã có tham dục.

Lại, khế kinh nói: Các loại người ngu, phàm phu không học rộng, vì kiết phược nên sinh, vì kiết phược nên tử. Vì kiết phược, nên từ thế gian này qua đến thế gian kia. Hoặc vì có các thứ này, nên khiến các hữu tình hợp rất nhiều khổ, nên gọi là kiết. Vì là các khổ não, vì chỗ yên, đủ, nên kiết ái trong đây, nghĩa là tham của ba cõi. Đây là căn cứ chỗ dựa và đối tượng duyên. Nếu đối với tướng trái nghịch và tách rời trong hành tướng thuộc về dục, khiến tâm ghét trái, gọi là kiết giận.

Kiết mạn, gồm có bảy mạn, như trước đã nói. Nói kiết vô minh, nghĩa là vô tri của ba cõi. Đây là căn cứ nơi chỗ dựa vì không phải đối tượng duyên, vì các pháp vô lậu không rơi vào cõi, nên vô minh cũng dùng kiết kia làm đối tượng duyên. Kiết kiến, nghĩa là ba kiến, kiết thủ, nghĩa là hai thủ. Vì sao ba kiến đặt riêng kiết kiến, hai thủ đặt riêng kiết thủ?

Ba kiến, hai thủ, vì nhận lấy vật, v.v... nghĩa là ba kiến kia có mười tám vật, vì hai thủ cũng vậy, nên gọi là vật, v.v...

Nói vật, v.v... này, về nghĩa có ích gì?

Vì kiến trong nghĩa kiết có ích. Lời nói này và ý nói, như tham, giận, v.v... mỗi món riêng có thể thành một sự kiết. Ba kiến, hai thủ đều mười tám vật, hòa hợp đều thành, vì một sự kiết. Nếu khác với đây, nên nói năm kiến đều làm một kiết, như tham, giận, v.v..., nên kiến và thủ đều có mười vật, lập chung một kiết, mới chống lại tham, v.v...

Nếu vậy, thì thân kiến, bên kiến, kiến thủ có mười tám vật, giới thủ, tà kiến mười tám cũng vậy.

Chẳng lẽ không phải vật, v.v...?

không như vậy, thì vốn giải thích lý kia là chắc chắn. Vì sao? Vì ba kiến, v.v... là bị chấp thủ, hai thủ như chủ thể chấp thủ, vì đối tượng chấp thủ và chủ thể chấp thủ có sai khác. Nghĩa là đối với các hành, chấp ngã dứt, thường, hoặc bác xả là không có, về sau, khởi hai thủ, chấp kiến thứ nhất. Hoặc chấp là tịnh, không tạp loạn, vốn giải thích là thiện.

Có thuyết nói: Do vật và vì tiếng v.v...

Có thuyết nói: Tham đắm hữu và tài, thì kiết kiến đối với hữu kia làm tác dụng tăng thượng lệ thuộc (trói buộc), nếu có tham, vướng mắc vui Niết-bàn, thì kiết thủ đối với vui kia làm tác dụng tăng thượng trói buộc.

Kiết nghi: Nghĩa là do dự đối với bốn đế, sự do dự này khác với tuệ, vì có tự thể của pháp riêng, khiến tâm không mừng, gọi là ganh tị. Tánh ganh tị này khác với giận, vì có tự thể của pháp riêng, nên có khi giải thích là ganh tị, không nhẫn nại, trước sự tốt đẹp của người khác, khiến tâm vương mắc xấn sấn, gọi là keo kiệt, nghĩa là chớ khiến cho sự lia xả này đối với ngã, khiến cho tâm chấp chặt, nên gọi là keo kiệt.

Vì sao hai thứ keo kiệt, ganh tị trong triền, được lập làm kiết, không phải triền khác chăng?

Nếu lập tám triền, thì nên giải thích như thế, cả hai chỉ bất thiện, vì tự tại khởi, nghĩa là chỉ hai nghĩa của hai thứ này đầy đủ.

Sáu thứ còn lại, không có một triền nào đủ cả hai nghĩa, nghĩa là không có hổ, không có thẹn, dù chỉ bất thiện, không phải tự khởi, ăn năn tự tại khởi, không phải chỉ bất thiện, hai triền khác đều không có.

Nếu lập mười triền, thì nên giải thích rằng: Chỉ hai lỗi của ganh tị, keo kiệt vì rất nặng, nên trong mười triền, lập hai làm kiết.

Do hai thứ này thường hiện hành. Nghĩa là sinh trong loài trời loài người cõi Dục. Sự ganh tị và keo kiệt này, thường hiện khởi. Lại, cả hai có thể làm nhân nghèo hèn. Nghĩa là sinh trong loài trời, loài người cõi Dục, phần nhiều bị nghèo hèn, khổ sở, tai ách, đời hiện tại gặp phải người hèn kém, thiếu của cho đến người rất thân, cũng không kính ái. Lại, vì hai tùy phiền não này tỏ rõ cùng khắp. Nghĩa là tùy phiền não gồm có hai thứ:

1. Sự buồn bã đều hiện hành.
2. Sự hân hoan đều hiện hành.

Sự ganh tị, keo kiệt biểu lộ rõ khắp hai tướng như thế. Lại, hai tùy phiền não này có thể xúc não hai bộ. Nghĩa là trong vị trí là chúng tại gia đối với cửa cải, do sự ganh tị và tánh keo kiệt rất não loạn, nếu là trong chúng xuất gia đối với hành giáo, do sự ganh tị và tánh keo kiệt rất não loạn, hoặc hay xúc não trời, chúng A-tố-lạc. Nghĩa là nhân ở vị, sắc ganh tị, keo kiệt làm cho rất nhiều não nhau, hoặc hai thứ kiết này có thể xúc não hai chúng người, trời, như Đức Thế tôn bảo Kiều-thi-ca: Do kiết ganh tị, keo kiệt não loạn người, trời, hoặc hai kiết này có thể xúc não chúng mình, người, nghĩa là vì ganh tị, nên não loạn bạn bè người khác, do trong lòng keo kiệt, gây não loạn bạn bè của mình, nên trong mười triền, lập hai thứ này là kiết.

Ở chỗ khác, Đức Phật căn cứ ở môn sai khác, tức dùng tiếng kiết để nói có năm thứ:

Tụng rằng:

*Lại, năm thuận phần dưới
Do hai không vượt dục
Do ba, trở lại dưới
Gồm căn môn nên ba.
Hoặc không muốn phát thú
Mê đạo và nghi đạo
Làm chướng hướng giải thoát
Nên chỉ nói dứt ba.*

Luận chép: Những gì là năm? Nghĩa là hữu thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và giận dữ.

Năm thứ như thế, đối với pháp phần dưới, vì làm cho thuận ích, nên gọi là phần dưới. Nhưng pháp phần dưới lược có hai thứ:

1. Cõi dưới. Nghĩa là cõi Dục.

2. Hữu tình dưới. Nghĩa là các phàm phu dù được pháp Thánh, nhưng vẫn không thể vượt qua. Cõi của phần dưới, là bị ràng buộc do hai kiết tham và giận dữ cõi Dục, mặc dù đã lìa tham dục nhưng không thể vượt qua. Hữu tình dưới, vì bị thân kiến, giới thủ, nghi kiết ràng buộc, nên các hữu tình đối với ngục cõi Dục. Tham dục và giận dữ cũng như lính ngục. Vì điều cấm ước của lính ngục kia là không vượt qua ngục, nên ba thứ như thân kiến, v.v... như lính tuần tra, canh giữ. Nếu có phương tiện vượt qua ngục cõi Dục, ba “lính tuần” kia đặt lại trong ngục. Thuận với kiết phần dưới do đó chỉ có năm.

Người đã kiến đế, do tham, giận cõi Dục, không vượt qua cõi Dục, nghĩa ấy có thể như vậy, vì người này chỉ thuộc về cõi Dục.

Người lìa tham dục, kiến dứt tất cả, đều khiến không vượt qua hữu tình phần dưới. Vì sao Đức Thế tôn chỉ nói có ba thứ?

Mặc dù có lời vấn nạn này, nhưng Phật, Thế tôn vẫn lược gồm nhiếp môn, căn. Vả lại, nói ba thứ, nói gồm nhiếp môn: Loại hoặc do kiến dứt, gồm có ba, chỉ có một có cả hai, có cả bốn bộ, nên nói là ba thứ này gồm nhiếp ba môn kia, vì giống như biểu thị rõ môn kia. Nói gồm nhiếp căn. Nghĩa là ngoài ba căn bản của thân kiến..., do bên kiến chấp, kiến thủ, tà kiến, như thứ lớp ba chấp đó, tùy theo có ba thứ: thân kiến, giới cấm thủ, nghi vượt hơn căn bản mà được chuyển biến, nên nói ba thứ này gồm nhiếp ba căn bản kia, tức thuận phần dưới chỉ có năm thứ này.

Đối với người được Dự lưu, sáu phiền não dứt, vì sao chỉ nói dứt ba kiết chăng?

Vì ở đây cũng như trước, gồm nhiếp môn, căn, nên dù chỉ có một

có cả hai bộ, tức tướng môn kia nhằm làm sáng tỏ thể của môn đó, do đó, nên nói là gồm nhiếp ba môn kia.

Hoặc Có sư khác giải thích thế này: Hưởng đến phương khác, có ba thứ chướng:

1. Không muốn phát: Nghĩa là vì thấy lỗi, công đức của phương khác này, nên thôi dứt tâm không trụ.

2. Mê chánh đạo: Nghĩa là dù phát cõi, nhưng vì dựa vào đường tà, nên không đến phương kia.

3. Nghi chánh đạo: Nghĩa là không hiểu rõ, đều thấy có hai đường, người thường đi đạo, bèn đối với chánh đạo ôm lòng do dự: đường này so với hướng đường kia là đúng hay sai.

Cũng thế, nên biết, người hưởng đến giải thoát, cũng có ba chướng tương tự như thế, nghĩa là do thân kiến đối với uẩn Niết-bàn có lỗi công đức kiến chấp ngã dứt, nên đối với giải thoát không muốn phát hưởng đến.

Do giới cấm thủ dù cầu giải thoát, nhưng mê đường chánh, dựa vào đạo thế gian, luống trải qua cay đắng mà không đến Niết-bàn. Do nghi không thể khéo tự quán sát, thấy các tà đạo, có nhiều người tu, bèn ôm lòng do dự đối với chánh đạo. Đối với hưởng đến giải thoát là đúng hay sai? Đức Phật chỉ rõ Dự lưu dứt hẳn chướng, hưởng đến giải thoát như thế, nên nói dứt ba, dù kiến hạnh thường, cũng không hưởng đến giải thoát, thấy đạo thế gian vượt hơn, cũng mê mất chánh đạo, kẻ bác xả không có Thánh đạo, cũng không tin chánh đạo, mà ba thứ trước là gốc của ba thứ sau, ba loại sau, ba thứ sau vì tùy theo chuyển biến ba thứ trước. Nên gốc gồm nhiếp ngọn, nên chỉ nói ba thứ trước. Đức Phật ở kinh khác, như thuận phần dưới. Nói thuận với phần trên cũng có năm thứ. Tụng rằng:

Thuận phần trên cũng năm

Hai tham: Sắc, Vô sắc

Trạo cử, mạn, vô minh

Khiến không vượt lên trên.

Luận chép: Thể của năm thứ như thế, có tám vật. Ba thứ: trạo cử, v.v... cũng là cõi riêng, chỉ có tu dứt, nên gọi là thuận với phần trên, vì thuận ích với phần trên, gọi là kiết thuận với phần trên. phải dứt phiền não dứt do kiến dứt, vì phương kia hiện hành, nên “hoặc” do kiến dứt, khi chưa dứt hẳn, cũng có thể giúp cho hoặc do kiến dứt, thuận với phần dưới, cho nên phải dứt hẳn “hoặc” do kiến dứt, thì năm phiền não này mới hiện hành, gọi là thuận phần trên. Trong đây đã nói tham của cõi

Sắc, cội Vô sắc và nói là thuận bên trên nên, biết trạo cử, v.v... cũng là cội Sắc, cội Vô sắc, không thuộc về cội Dục.

Túc luận Phẩm Loại nói thế này: Pháp kiết thế nào? Nghĩa là chín kiết. Không phải pháp kiết là sao? Nghĩa là trừ chín kiết, pháp khác do chứng này thành, một loại trạo cử có phần ít là kiết, tức lệ thuộc về hai cội, phần ít không phải kiết tức thuộc về cội Dục. Phần ít là kiết tức là các Thánh, phần ít không phải kiết tức là phàm phu. Có vị trí là kiết, nghĩa là đã lia tham dục, có vị trí không phải kiết, nghĩa là chưa lia tham dục. Do sự sai khác như thế, v.v... không chắc chắn.

Túc Luận Phẩm loại không nói là kiết, vì trạo cử khuấy nhiễu, xúc não Tam-ma-địa, nên đối với thuận phần trên, lập ra làm kiết, tức do lý này, thuận trong phần trên, vì không nói hôn trầm thuận đẳng trì.

Đã nói về kiết, còn phược thế nào?

Tụng rằng:

Phược ba do ba thọ.

Luận chép: Vì công năng ràng buộc, nên đặt tên phược, là nghĩa ngăn dứt hưởng lìa nhiễm. Hai tướng kiết, phược dù không có sai khác, nhưng căn cứ ở nói của ả Mẫu nói. Phược có ba:

1. Phược tham.
2. Phược giận.
3. Phược si.

Vì phẩm loại của các kiết đồng, nên gồm nhiếp trong ba, nghĩa là năm kiến, nghi, đồng với phẩm loại si, hai kiết: mạn, keo kiệt đồng với phẩm loại tham, kiết ganh tị đồng với giận, nên đều thuộc về ba phược. Lại, vì biểu thị rõ người đã kiến đế, vì pháp khác tạo ra, nên nói ba phược, ràng buộc chung sáu thức thân, vì đặt vào ở ngục sinh, tử. Lại, Đức Phật chỉ vì người tuệ giác yếu kém, chỉ rõ phiền não của tướng thô, nên chỉ nói ba phược.

Có sư khác nói: Do tùy theo thế lực của ba thọ đã dẫn, nên nói phược có ba. Nghĩa là tham phần nhiều đối với đối tượng duyên lạc thọ của mình tương ứng với hai thứ tùy tăng. Phần ít cũng ở không khổ, không vui, đối với khổ của mình, người và lạc xả của người, chỉ có một thứ tùy tăng của đối tượng duyên. Giận cũng phần nhiều, đối với đối tượng duyên khổ thọ của mình, tương ứng với hai thứ tùy tăng, phần ít cũng đối với không khổ, không vui, đối với khổ của mình, người và lạc xả của người, chỉ có một thứ tùy tăng đối tượng duyên. Si cũng phần nhiều đối với đối tượng duyên xả thọ của mình, tương ứng với hai thứ tùy tăng. Phần ít cũng đối với lạc thọ, khổ thọ, đối với tất cả thọ người

khác, chỉ tùy tăng đối tượng duyên.

Cho nên, Đức Thế tôn đã dựa vào lý phần nhiều, nói là tùy theo ba thọ, để lập ra ba phước.

Tham, v.v... loại nào ngăn dứt hưởng đến lìa nhiễm, gọi là phước?

Nghĩa là chỉ có hiện hành. Nếu khác với đây, đều thành ba, phải rất ráo ngăn dứt hưởng đến lìa nhiễm.

Đã phân biệt phước, còn tùy miên thế nào?

Tụng rằng:

Tùy miên trước đã nói.

Luận chếp: Tùy miên có sáu, hoặc bảy, hoặc mười, hoặc chín mười tám, như trước đã nói.

Tùy miên đã nói rồi, còn tùy phiền não ra sao?

Tụng rằng:

Tùy phiền não khác đây

Hành uẩn nơi tâm nhiễm.

Luận chếp: Có thể làm nhiều loạn, nên gọi là phiền não, tùy theo các phiền não chuyển, được gọi là tùy phiền não.

Có cổ sư nói: Nếu pháp không có đầy đủ tướng phiền não, thì gọi là tùy phiền não, như mặt trăng không tròn, được tùy theo mặt trăng, gọi như vậy. Các tùy miên gọi là phiền não, tức tùy miên này cũng được gọi là tùy phiền não, vì phẩm phiền não gồm đủ, do đó nên nói, tức các phiền não có kết, phước, nghĩa tùy miên, tùy phiền não, triền, tâm sở hành uẩn nhiễm ô khác, vì tùy phiền não khởi tâm não hại theo, nên được gọi là tùy phiền não, không được gọi phiền não, vì thiếu tướng phiền não gồm đủ. Tùy phiền não gọi là gồm bao nhiêu pháp? Vì trải qua các thuyết, nên có nhiều chúng, nghĩa là phần nộ phát ra, bất nhẫn và khởi loại lời ác, như Đức Thế tôn bảo Bà-la-môn: “Có hai mươi một các tùy phiền não có thể não loạn tâm, cho đến nói rộng (sau sẽ lược nói), thuộc về vết nhơ phiền não triền, lại nên nói trước.

Tướng triền thế nào?

Tụng rằng:

Triền tám, vô tâm quý

Tật, san và hối, miên

Cùng trạo cử, hôn trầm

Hoặc mười, thêm phần, phú

Vô tâm, san, trạo cử

Đều từ nơi tham sinh

*Vô quý, miên, hôn trầm
Được khởi, từ vô minh
Tật, phần từ sân khởi
Hối từ nghi phú tránh.*

Luận chép: Phiền não căn bản cũng gọi là triền. Kinh nói: “Triền tham dục làm duyên”. Nếu khác với đây, thì tham, v.v... sao có thể được gọi là phiền não đầy đủ. Tuy nhiên, các luận giả lia các tùy miên, căn cứ ở vượt hơn để nói về triền. Hoặc tám, hoặc mười. Nghĩa là Túc luận Phẩm Loại nói: “Có tám triền. Tông Tỳ-bà-sa nói triền có mười, tức ở tám trước lại thêm phần, phú”.

Vì mười thứ như thế ràng buộc hàm thức, đặt trong ngục sinh tử, nên gọi là triền. Hoặc mười làm nhân khởi các hành vi ác, vì khiến bị câu thúc ở đường ác, nên gọi là triền.

Vô tâm, vô quý, tật, san và hối, trạo cử, hôn trầm, như trước đã nói, khiến tâm mờ tối, qua loa, tương ứng với hôn trầm, không thể gìn giữ thân, đây là tướng miên. Miên dù cũng có mờ tối, nhưng không tương ứng.

Đây chỉ là nói về triền, nên tạo ra nói này: Ở đây, nói tức khắc ba tướng miên: Vì ba tướng này thuận với nghĩa miên, nên nhân tự trái lại lợi ích tổn hại, thù oán mà sinh, sự giận dữ là trước, tâm phần nộ gọi là phần.

Có sư khác nói: Nhân trái ngược với xứ, phi xứ mà sinh, sức khiến cho tâm không đoái nghĩ mà chuyển, cho đến trên con, khiến tâm phần phát, gọi là phần.

Che giấu tội mình, gọi là phú. Tội cho rằng có thể quở trách, tức là tội hủy phạm chê bai phép tắc Thi-la và các tịnh mạng. Che giấu tức giấu tội nhân dục.

Có giải thích khác: Xoa, xóa gọi là che. Nghĩa là bên trong ôm ấp điều ác, xoa, xóa bên ngoài, là nghĩa muốn cho người khác không biết.

Nói trước nói: Nếu tư pháp phiền não khởi, mới có thể đặt tên tùy phiền não.

Trong đây, pháp nào, phiền não nào khởi?

Vô tâm, san, trạo cử là đẳng lưu tham, tham phải là nhân gần mới được sinh, vô quý, miên, hôn trầm là đẳng lưu vô minh. Vì rất gần với vô minh, sự ganh tị, phần nộ là đẳng lưu giận, do các tánh này đồng với giận.

Hối là đẳng lưu nghi, vì do dự sinh.

Phú, Có thuyết nói là đấng lưu tham, có nói cho là đấng lưu vô minh, Có thuyết nói là đấng lưu cả hai. Các kẻ hiểu biết cho là nhân ái sinh, các người không hiểu biết vì nhân si sinh, nên tức do tướng si này.

Có thuyết nói: Tâm mê đắm tiếng khen, lợi dưỡng, sự cung kính, không hiểu rõ hành vi ác, đã chiêu cảm quả đương lai, là nhân dục, che giấu tội mình, là quả của hai đấng lưu: ái và vô minh. pháp của tâm tùy phiền não, gọi là phú.

Như thế, mười triển từ phiền não sinh, là đấng lưu phiền não, nên gọi là tùy phiền não.

Phiền não như bản khác, tướng ấy thế nào? Tụng rằng:

*Sáu phiền não như: Nã
Hại, hận, siểm, cuống, kiêu
Cuống, kiêu từ tham sinh
Hại, hận từ sân khởi
Nã từ kiến thủ khởi
Siểm từ các kiến sinh”.*

Luận chép: Đối với việc đáng hủy xả, quyết định chấp chặt khó khiến xả nhân, gọi là nã.

Vì có nã này nên thế gian nói là không thể dẫn dắt, chấp sở chấp ác, đối với hữu tình khác, không phải hoàn toàn, không đoái nghĩ nhiếp thọ lại.

Vì nhân tổn nã, tâm bị bị nã chướng ngại, gọi là hại. Đối với tướng phi ái, nghĩ nhớ theo phân biệt, sinh phần nối tiếp. Về sau, khởi tâm, kết oán, gọi là hận. Đối với sự tình của mình, dùng phương tiện che giấu. Nếu dùng mưu lược, dụ dỗ tình người khác, với tâm cong vạy trái với thật trí, gọi là siểm nịnh.

Vì đối với tham danh lợi, v.v... làm trước, nên muốn cho hoặc người khác, thị hiện tà, chính thức quyết định tâm hiểm ác trái nhau, gọi lừa dối. (Cuống).

Sự sai khác của tướng cong vạy, tâm nham hiểm. Nghĩa là như đạo, như nhờ vả người, nhờ vả mình. Vì nhân tham, nhân kiến, nên có sai khác. Tướng kiêu, như trước đã phân biệt đủ.

Có sư khác nói: Từ tham sinh, cậy mình tuổi trẻ, không có bệnh, các việc hưng thịnh: sống lâu, v.v... Tâm ngạo mạn, gọi là kiêu.

Có sư khác nói: Đối với các hành hưng thịnh tự nối tiếp nhau, đắm nhiễm làm trước, không chiếu cố người khác, nghĩa là mình là người vượt hơn, tâm tự khinh thị cao cử, gọi là kiêu, do không chiếu cố người

khác, nên khởi mạn có khác”

Sáu thứ như thế từ phiền não sinh. Với tướng ô ược, thô bỉ, gọi là phiền não cấu ược.

Trong sáu thứ phiền não cấu ược này, tính chất cuống và kiêu là đấng lưu tham, hại, hận là đấng lưu giận, não là đấng lưu kiến thủ, sự đua nịnh (siểm) là đấng lưu của các kiến. Như nói: A khúc, nghĩa là các ác kiến, nên siểm chắc chắn là đấng lưu của các kiến.

Sáu thứ này cũng từ phiền não sinh, như triền cũng được gọi là tùy phiền não.

Đã nói các triền và phiền não. Nay kế sẽ nói về đối trị dứt triền tùy phiền não kia, trong cấu ược nơi các triền, cái gì là đối tượng dứt? Tụng rằng:

*Triền, vô tâm, quý, miên
Hôn, trạo, kiến tu dứt
Khác và phiền não cấu
Tự tại nên chỉ tu.*

Luận chép: Vô lại, vô tâm, vô quý trong mười triền, có tất cả tâm bất thiện.

Miên trong cõi Dục, có tất cả ý thức cùng khởi.

Hôn trầm, trạo cử có tất cả tâm nhiễm ô, nên năm triền có cả kiến, tu dứt. Tật, san, hối, phẫn, phú và cấu, vì tự tại khởi, nên chỉ do tu dứt, chỉ với tu dứt vô minh của sức người khác. Vì tương ứng chung, nên gọi là tự tại khởi, với tự tại khởi vô minh vốn có tương ứng với triền cấu, chỉ là tu dứt.

Các triền cấu này, triền cấu nào có được tánh nào?

Tụng rằng:

*Ba, hai dục, ác khác
Cõi trên, đều vô ký.*

Luận chép: Ba thứ: miên, hối, trạo cử, thuộc về cõi Dục, đều có cả hai tánh vô ký, bất thiện, tất cả pháp khác đều chỉ có bất thiện, tức sáu cấu, bảy triền thuộc về cõi Dục, tùy theo sự thích ứng với tất cả trong hai cõi trên, tất cả chỉ thuộc về tánh vô ký, tức siểm, cuống, kiêu, hôn trầm, trạo cử.

Các triền cấu này thuộc về cõi nào?

Tụng rằng:

*Siểm, cuống sơ định Dục
Ba dục khác ba cõi.*

Luận chép: Siểm, cuống chỉ sơ định ở cõi Dục. Sao biết Phạm

Thế có siểm, cưỡng?

Do vua Đại Phạm giấu sự tình của mình, biểu hiện sự mê hoặc, lừa dối nhau. Bí-sô Mã Thắng nghe đồn, sự mê hoặc, lừa dối này chỉ có phạm phu khởi, không phải các bậc Thánh cũng có thể hiện tiền. Ba triền hôn trầm, trạo cử, kiêu thuộc chung ba cõi, tất cả triền còn lại, đều chỉ ở cõi Dục, nghĩa là năm trong mười sáu triền, đã nói như trước, mười một triền còn lại, chỉ thuộc về cõi Dục.

Đã nói tùy miên và tùy phiền não, đối với đó, có bao nhiêu chỉ dựa vào địa ý? Có bao nhiêu chỗ dựa có cả địa sáu thức khởi? Tụng rằng:

*Mạn, miên do kiến dứt
Tùy phiền não tự tại
Đều chỉ địa ý khởi
Còn đều dựa sáu thức.*

Luận chép: Tất cả mạn, miên do kiến dứt, tu dứt, tự tại khởi trong tùy phiền não. Ba thứ như thế, đều dựa vào ý thức, vì dựa vào năm thức thân, không chấp nhận khởi. Tất cả tùy phiền não khác, đều dựa vào sáu thức, nghĩa là tham, giận vô minh do tu dứt và các tùy phiền não tương ứng với ba thứ đó, tức vô tầm, quý, hôn, trạo và tùy phiền não thuộc về pháp đại phiền não địa khác, tức là buông lung, biếng nhác, bất tín, vì dựa vào sáu thức thân đều chấp nhận khởi, nên về lý gọi chung là các tùy phiền não.

Nay, ở đây, chỉ nương vào thô, hiển mà nói. Lại, nên tư duy lựa chọn, như trước đã nói về đối trị năm thọ căn như lạc, v.v... Nay, trong đây nói tất cả phiền não, tùy phiền não.

Phiền não, v.v... nào tương ứng với căn nào? Ở đây trước nên nói về các phiền não. Tụng rằng:

*Các phiền não cõi Dục
Tương ứng tham, hỷ, lạc
Sân, ưu khổ, si khắp
Tà kiến, ưu và hỷ.
Nghĩ, ưu, năm hỷ khác
Tương ứng tất cả xả.
Địa trên đều tùy ứng
Các thọ tự thức khắp.*

Luận chép: Trong các phiền não bị thuộc về cõi Dục, tham tương ứng với hỷ, lạc thọ, do hành vi vui mừng chuyển vận khắp sáu thức. Giận, tương ứng với khổ, ưu thọ, vì hành buồn bã chuyển vận khắp

sáu thức, vô minh tương ứng khắp với bốn thọ trước. Vì hành vui, buồn chuyển vận khắp sáu thức, vì tương ứng khắp với phiền não khác. Tà kiến tương ứng chung với sự ưu, hỷ thọ, vì hành vui, buồn chuyển vận chỉ có địa ý. Như thứ lớp, trước vì tạo nghiệp tội, phước, nên nghi tương ứng với ưu thọ, vì hành buồn bã chuyển vận chỉ có địa ý.

Hoài nghi do dự. Nghĩa là cầu biết chắc chắn vì, tâm buồn rầu, bốn kiến, mạn khác tương ứng với hỷ, vì hạnh vui mừng chuyển vận, chỉ ở địa ý, nên nói chung đều tương ứng với xả thọ, do nói xả thọ vì tùy tăng si, nên si tương ứng khắp các hoặc. Khi phiền não nối tiếp nhau đến rốt ráo, nhận lấy dục khởi quá chậm, suy yếu dần nối tiếp nhau, ấy là dứt. Bấy giờ, phiền não thuận với xả, cho nên, đều tương ứng với xả thọ.

Lẽ nào không phải xả căn, không phải vui, không phải buồn bã, thì sao vui, buồn tương ứng với phiền não, như người trong xứ, vì đều không có trái nghịch.

Cõi Dục đã như thế, địa trên thế nào?

Đều tùy theo đối tượng thích ứng khắp với mình, người, tự thức đều khởi. Các thọ tương ứng. Nghĩa là nếu trong địa có đủ bốn thức, thì phiền não khởi do mỗi thức kia, đều khắp ở thức tự mình với các thọ tương ứng. Nếu trong các địa chỉ có ý thức, tức phiền não được ý thức khởi, cùng khắp với ý thức và thọ tương ứng ở các địa trên.

Thức trong các địa có ít, nhiều. Nghĩa là Sơ tinh lự, đủ bốn, một thọ khác có ít nhiều. Nghĩa là như thứ lớp Sơ, Nhị, tam, tứ, v.v... đủ hỷ, lạc, xả, xả hỷ, xả lạc, chỉ xả nên biết, tùy theo phiền não đã có trong các địa, như tương ứng với thức thọ kia.

Vì sao hai nghi đều không chắc chắn, mà trên được tương ứng với hỷ lạc, không phải nghi, hỷ, thọ cõi Dục đều khởi, do các phiền não ở địa lìa dục, dù không chắc chắn, cũng không lo buồn, dù ôm ấp lười nghi, không có xả tâm vui vẻ, như ở nhân gian mong cầu được yêu, cho dù gặp phải nhiều nhọc nhằn, mỗi mệt, nhưng vẫn nghĩ là vui.

Có thuyết nói: Cõi Sắc dù hoài nghi, nhưng vẫn nghĩ là phẩm thiện đối với sự ngờ vực, nên nổi hoài nghi kia được tương ứng với hỷ lạc.

